

NGHỀ THỦ CÔNG Ở LÀNG TRIỀU KHÚC: XƯA VÀ NAY

ĐỖ NGỌC YẾN

Làng Triều Khúc (xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội) ở phía Tây Bắc huyện Thanh Trì; phía Tây Nam của Kinh thành Thăng Long xưa, sát đường Thiên lý phía Tây (nay là Quốc lộ số 6), có sông Nhuệ chảy qua nối với thị xã (nay là quận) Hà Đông. Từ xưa, làng thuộc huyện Thanh Oai - “đất trăm nghề”, cách thị xã Hà Đông cũ 3km, cách trung tâm nội thành Hà Nội khoảng 8km, rất thuận tiện cho giao lưu kinh tế. Đây là điều kiện cho làng sớm trở thành một làng nổi tiếng cả miền Bắc với hàng chục nghề thủ công, tạo ra những sản phẩm độc đáo.

Từ trước đến nay, các nghề thủ công làng Triều Khúc được phản ánh trong một số bài viết, như *Các nghề thủ công ở Hà Đông* (Hoàng Trọng Phu, 1932), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (Guru, 2003), *Làng nghề - phố nghề Thăng Long - Hà Nội* (Trần Quốc Vượng và Đỗ Thị Hảo, 2000). Các công trình này chủ yếu thống kê và kể tên các nghề của làng. Cuốn *Nghề dệt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam* (Lâm Bá Nam, 1999) đề cập một số nét về nghề dệt của làng Triều Khúc. Bài viết *Một làng nghề đang mai một* (Đỗ Trọng Quang, 2000) nêu thực trạng suy giảm của nghề chân chỉ hạt bột của làng. Nhìn chung đến nay, chưa có một công trình nào đề cập một cách có hệ thống các nghề thủ công của làng Triều Khúc và sự biến đổi của nghề từ sau hòa bình lập lại. Bài viết này nêu những kết quả nghiên cứu chuyên sâu bước đầu của chúng tôi.

1. Các nghề truyền thống

Về số lượng nghề truyền thống của làng Triều Khúc xưa kia, đến nay, người làng vẫn lưu truyền bài thơ dân gian:

Hà Đông công nghệ đầu bằng

Có làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân

Quai thao khéo tét vô ngàn

Là nghề của Vũ Sư thân dạy cho

Tóc rối, lông vịt, mã cò

Bán cho ngoại quốc cũng to vốn lời

Khăn san kiểu mới tân thời

Cây tua chân chỉ, đủ nghề văn minh

Tua cờ nhà đạo, nhà binh

Bán ra Hà Nội, Huế, Vinh, Sài Gòn

Hạt bột chân chỉ y môn

Chỉ tơ, chỉ gốc, lại còn chỉ thêu

Dây đàn, dây rút thật nhiều

Chỉ quả chữ thọ có điều tinh thông

Khéo tay những dải kim tòng

Được bằng thưởng nhất Hà Đông bảo tàng

Fula, Tơ lụa, Đăng ten

Tiêu thụ các xứ, bán buôn được nhiều

Buồng chơi dùng thảm lông cừu

Hỏi thăm Triều Khúc, có người tài hoa

Thăng đai ngựa, chổi lông gà

Thắt lưng, khăn mặt của ta thường ngày

Len đan mũ trẻ ít công

Tích cô dệt máy, tiêu thông mùa hè

Hoa bằng lông vịt mới kỳ

Giỏ tích nước bằng tre khéo làm

Nghề keo mạ, thợ kim hoàn

Những điều tinh xảo khôn ngoan ai tày

Quai túi dệt, sợi dây tày

Vẽ tranh sơn thủy trưng bày buồng chơi

Hơn ba mươi nghệ kim thời

Sĩ, nông, công cổ mọi người đều hay

Nghề nào khôn khéo chân tay

Nhất thân vinh hiển buổi ngày cạnh tranh

Đor Thao, Triều Khúc rành rành

Tiếng khen công nghệ nổi danh Bắc Kỳ.

Thực ra, ý “Hơn ba mươi nghệ” để nói đến một làng đa nghệ. Trên thực tế, một số nghề có ít gia đình làm trong một thời gian ngắn, sau không phát triển được vì nhiều lý do. Cụ thể:

- Nghề làm giỏ tích nước và nghề kim hoàn: mỗi nghề chỉ có một vài gia đình làm và tồn tại trong thời gian rất ngắn, vì thị trường tiêu thụ hạn hẹp nên không phát triển.

- “Vẽ tranh sơn thủy”: chỉ có một số họa sĩ trong làng vẽ. Tranh vẽ không có thị trường tiêu thụ, chỉ để dự triển lãm song các lần triển lãm rất ít, nên việc vẽ này không phải là một nghề phổ biến trong làng.

Các nghề tua cờ, thặng đai ngựa, chân chỉ hạt bột được nhắc đến trong bài thơ dễ gây hiểu nhầm cho người đọc. Nghề tua cờ thực chất chỉ là làm tua (tua này có thể gắn

vào bất cứ trang trí nào như cờ, tàn, tán...). Nghề thặng đai ngựa đúng ra phải gọi là dây yên ngựa, người Triều Khúc rất khéo tay tết chân chỉ nhưng hạt bột thì lại phải nhập từ nơi khác về.

- Nghề “Giải kim tòng”: gọi chính xác là làm quả kim tòng (tết quả kim tòng giống như quả pháo) dùng để trang trí cho các nhạc cụ như đàn, sáo...; không phát triển được vì nhạc cụ dân tộc được sử dụng không nhiều.

- Tài liệu *Các nghề thủ công truyền thống tỉnh Hà Đông* của Hoàng Trọng Phu có nhắc đến nghề trang sức nón đàn ông - một trong 18 nghề của làng Triều Khúc trước đây; song trên thực tế, nghề không tồn tại ở làng; nghề dệt túi dệt mà tác giả đề cập đến cũng không đúng vì dân làng chỉ dệt chiếc quai cho túi dệt, không làm túi.

Trong khi đó, có một số nghề rất phát triển như nghề cắt dây thao, dệt bức đèn, dệt khăn go nhưng lại không được bài thơ dân gian và tài liệu của Hoàng Trọng Phu nhắc đến.

Tổng hợp các nguồn tư liệu kết hợp điều tra hồi cố, chúng tôi thấy làng Triều Khúc có khoảng 30 nghề thủ công truyền thống (xem Bảng 1).

Sự phong phú của các nghề thủ công đã tạo công ăn việc làm cho một số đông lao động trong lúc nông nhàn của vụ mùa (vụ sản xuất nông nghiệp chính của dân làng xưa kia) và vụ chiêm (chiếm tỷ trọng rất nhỏ); tạo ra nguồn thu đa dạng, nuôi sống dân làng qua hàng nghìn năm. Nghề thủ công đã đem lại sự giàu có cho rất nhiều gia đình: gia đình cụ Trí Đăng (xóm Án), cụ Vượng Nhánh (xóm Đình), cụ Nguyễn Hữu Dị (xóm Chùa), ông Nguyễn Hữu Úc và Đỗ Đình Được (xóm Đình)...

Bảng 1. Các nghề thủ công truyền thống làng Triều Khúc

| TT | Nghề | Nguyên liệu | Kỹ thuật | Sản phẩm |
|----|--------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|---|
| 1 | Dệt quai thao | Tơ tằm | Dệt | Dây quai thao cho nón đội đầu |
| 2 | Giấy lung | Sợi bông | Dệt | Dây lung có bề ngang 0,02m |
| 3 | Khăn san | Sợi bông | Dệt | Khăn (chỉ dùng vào dịp tết, ngày hội) |
| 4 | Khăn mặt | Sợi bông | Dệt | Khăn mặt |
| 5 | Đan, dệt mũ trẻ em, khăn quàng | Sợi bông, len | Dệt, bện, tết | Mũ, khăn quàng cổ |
| 6 | Dệt khăn go | Sợi | Dệt | Khăn go (khăn tắm) |
| 7 | Dệt bấc đèn | Sợi bông | Dệt | Dây bấc đèn (dùng cho đèn dầu) |
| 8 | Dệt dây yên ngựa | Sợi, tơ tằm | Dệt | Dây yên ngựa |
| 9 | Quai túi dệt | Sợi, tơ tằm | Dệt | Quai túi dệt |
| 10 | Dệt thảm | Len, bông, tơ | Dệt | Thảm thảm |
| 11 | Dệt ren | Sợi, tơ, chỉ | Dệt | Thảm ren (dùng để thêu khăn trang trí) |
| 12 | Dệt đăng ten | Tơ, chỉ | Dệt, bện, tết | Đăng ten (dùng để thêu vào chân chỉ) |
| 13 | Chỉ tơ | Tơ tằm | Dệt, bện, tết | Chỉ tơ dùng để khâu giày, làm dây đàn |
| 14 | Chỉ thêu | Tơ tằm | Chuột, giữ, đập, khóa nước | Chỉ thêu (thường bán cho các dân tộc miền núi để thêu khăn, túi, váy...) |
| 15 | Chỉ gộc | Sợi tơ nằm tận ngoài cùng của tổ kén | Bện, tết | Chỉ gộc (thường bán cho các dân tộc miền núi để dệt khăn, túi, váy...) |
| 16 | Sợi dây tây | Tơ tằm, sợi | Bện, tết | Sợi dây (dùng để xuất khẩu) |
| 17 | Cắt dây thao | Tơ tằm, sợi | Bện, tết | Sợi dây chuyên dùng cho đoàn xiếc để biểu diễn, các đội đặc công dùng dây để leo... |
| 18 | Quả chữ thọ | Tơ tằm | Bện, tết | Quả chữ thọ |
| 19 | Quả bu | Tơ tằm | Bện, tết | Quả bu (tết kiểu tròn) |
| 20 | Quả kim tòng | Tơ tằm | Bện, tết | Quả kim tòng (giống như quả pháo nhỏ) dùng để trang trí nhạc cụ như đàn, sáo... |
| 21 | Tơ lụa | Tơ tằm, lụa | Dệt | Thảm vải |
| 22 | Làm tua | Tơ tằm | Bện, tết | Dải tua dùng để trang trí cờ, tán, tàn... |

| | | | | |
|----|---------------------------|-------------------|---|--|
| 21 | Tơ lụa | Tơ tằm, lụa | Dệt | Tằm vải |
| 22 | Làm tua | Tơ tằm | Bện, tết | Dải tua dùng để trang trí cờ, tán, tàn... |
| 23 | Nhuộm | Tơ tằm, chỉ | Nhuộm | Các loại màu của tơ tằm và chỉ để bán cho các dân tộc miền núi |
| 24 | Chân chỉ | Tơ tằm | Bện, tết | Chân chỉ có 2 loại: chân chỉ hạt bột để dính vào yên ngựa thờ, voi thờ, quạt thờ... và chân chỉ quả dùng cho y môn, dính vào tàn, tán... |
| 25 | Dây đàn | Tơ tằm | Bện, tết | Dây đàn dùng cho nhạc cụ dân tộc như đàn nhị, bầu... |
| 26 | Tóc rối | Tóc rối | Thu gom, tẩy uế, phơi khô, gỡ tóc, bện, tết | Túm tóc mượt với độ dài, ngắn khác nhau |
| 27 | Thu gom lông gà, lông vịt | Lông gà, lông vịt | Giặt, phơi | Lông gà, lông vịt sạch |
| 28 | Chổi lông gà | Lông gà | Giặt, phơi, phân loại, bện, tết | Chổi lông gà |
| 29 | Hoa lông vịt | Lông vịt | Giặt, phơi, phân loại, nhuộm màu, bện, tết | Hoa lông vịt |

Trong cải cách ruộng đất, một số gia đình dù không có ruộng đất nhưng vẫn bị xếp vào thành phần địa chủ, như Cao Duy Thềm (xóm Án), Vũ Văn Vân và Nguyễn Huy Châu (xóm Cầu)... Sự đa nghề cũng là cơ sở để những người dân trong làng giao lưu văn hóa, tạo cho con người sự nhanh nhạy, sáng tạo, rất nhiều người có kỹ thuật khá, từng có những sản phẩm đi dự các hội chợ triển lãm thời Pháp, như gia đình cụ Ba Lọng (xóm Lê), cụ Vượng Sầm (xóm Chùa), cụ Lộc Mỹ (xóm Đình)...

Dưới đây là những biểu hiện cụ thể về những thay đổi của các nghề thủ công làng Triều Khúc hiện nay.

2.1. Những nghề truyền thống bị mất

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, các nghề thủ công của Triều Khúc chịu tác động mạnh mẽ của điều kiện kinh tế - xã hội, của những thay đổi về điều kiện sống mà biểu hiện trước hết là nhiều nghề truyền thống không còn được duy trì. Nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng này là do cuộc sống có nhiều thay đổi, nhiều sản phẩm nghề thủ công truyền thống không còn được người tiêu dùng sử dụng, do xuất hiện nhiều sản phẩm công nghiệp thay thế, hàng nhập khẩu của các nước vừa rẻ, mẫu mã đẹp... Trước hết, nhờ công cuộc đổi mới, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp của tư nhân hình thành ngày càng nhiều. Để tồn tại và phát triển, các cơ

sở sản xuất này phải tạo ra các sản phẩm đa dạng, mẫu mã đẹp, sản xuất hàng loạt, có thể thay thế được các sản phẩm thủ công truyền thống. Trên thực tế, công cuộc Đổi mới cũng tạo điều kiện cho việc tìm ra các nguyên liệu mới thay thế các nguyên liệu truyền thống, đổi mới kỹ thuật và công nghệ sản xuất để tạo ra các sản phẩm mới. Bên cạnh đó, cuộc sống hiện đại đã thay đổi với tốc độ chóng mặt. Nhiều sản phẩm thủ công truyền thống không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại, với thị hiếu của người tiêu dùng trong điều kiện đời sống vật chất đã được cải thiện; một số sản phẩm còn phù hợp nhưng không đủ sức cạnh tranh với các mặt hàng sản xuất bằng công nghiệp. Đây là nguyên nhân sâu xa và trực tiếp khiến nhiều nghề thủ công Triều Khúc không còn được duy trì. Dưới đây chúng tôi nêu hai ví dụ điển hình.

- Nghề làm hoa lông vịt tạo ra một thứ hoa dân dã cho người nghèo bày trên bàn thờ hay trên bàn uống nước. Hoa trông lạ mắt, lại bền, dùng phải hai, ba năm mới “rã đất bạc màu”. Khoảng giữa những năm 80 của thế kỷ trước, vào những dịp giáp Tết, những gánh hoa lông vịt của người làng Triều Khúc vẫn còn đua màu rực rỡ trên những phố phường Hà Nội. Nhưng từ đầu thập kỷ 90 trở đi, hoa giấy, hoa lụa, hoa nylon, hoa nhựa tràn ngập thị trường; nên giờ đây, hoa lông vịt chỉ còn trong trí nhớ của lớp người già cả. Cùng chịu chung “số phận” với nghề này còn có các nghề làm dây lưng, dệt khăn san, khăn go, bác đèn; mũ trẻ em làm dây thao, dây yên ngựa...

- Cũng có nghề còn thị trường tiêu thụ, nhưng người Triều Khúc không theo kịp được công nghệ sản xuất mới để sản phẩm

đảm bảo chất lượng, mẫu mã và số lượng, giá thành rẻ, đủ sức cạnh tranh... Điển hình là dệt khăn mặt và khăn tắm vốn là nghề phổ biến của làng Triều Khúc từ xưa, có thị trường tiêu thụ khá rộng. Song, vào giữa những cuối năm 80 của thế kỷ XX, kỹ thuật sản xuất (họa tiết hoa văn, chất lượng sản phẩm...) của người Triều Khúc bị lạc hậu. Cùng thời điểm đó, người làng La Phù (huyện Hoài Đức) từ chỗ thường xuyên đến Triều Khúc nhập khăn mặt và khăn tắm đi bán cho các nơi, họ tranh thủ học được kỹ thuật dệt, về làng đầu tư trang thiết bị hiện đại để sản xuất và sản phẩm của họ đã “lấn át” thị trường tiêu thụ của làng Triều Khúc; từ đó, nghề dệt khăn ở làng Triều Khúc không còn tồn tại.

Ngoài các nghề bị mất vì nguyên nhân cơ bản nêu trên, còn có một số nghề không còn được duy trì do mất thị trường tiêu thụ nước ngoài (Đông Âu), như ren, thảm, dệt dây tây...

Bảng 2 dưới đây là sự tổng hợp các nghề truyền thống của Triều Khúc không còn được duy trì.

2.2. Các nghề còn được duy trì với mức độ hạn hẹp

Nhìn chung, các nghề được liệt kê trong Bảng 3 dưới đây tuy còn tồn tại, song “thoi thóp” trong một số gia đình mà nguyên nhân chủ yếu là thị trường tiêu thụ sản phẩm đã bị thu hẹp đáng kể. Chẳng hạn, dệt quai thao - nghề nổi tiếng của làng, là tiêu chí để định danh tên Nôm của làng (*Đor Thao*), nay số người đội nón đã suy giảm nghiêm trọng (không làm nông nghiệp, sống ở đô thị...). Những người còn làm nghề chủ yếu với ý thức và tâm lý giữ nghề của cha ông để lại.

Người làm nghề đều ở độ tuổi trên 60; thanh niên và trung niên hầu như không làm vì công việc đòi hỏi tính tỉ mỉ, trong khi thu nhập rất thấp. Trong một tương lai rất gần, khi những người này già yếu, không lao động được nữa, chắc chắn, nghề sẽ mất vì không được trao truyền.

Một số nghề thủ công vẫn còn cơ sở tồn tại do nhu cầu thị trường vẫn cần (ví dụ, chân chỉ hạt bột, chổi lông gà) nhưng hoạt động của các nghề này không thật sự nổi trội hay đóng vai trò chủ lực, chỉ duy trì theo đơn đặt hàng nhỏ lẻ, nên tâm lý làm nghề cũng “uể oải”.

Bảng 2. Các nghề truyền thống của làng Triều Khúc bị mất

| TT | Nghề | Thời điểm mất | Lý do |
|----|--------------------------------|-----------------|---|
| 1 | Dây lung | Khoảng năm 2009 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 2 | Khăn san | Khoảng năm 1990 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 3 | Khăn mặt | Khoảng năm 2000 | Không kịp đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại |
| 4 | Đan, dệt mũ trẻ em, khăn quàng | Khoảng năm 1990 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 5 | Dệt khăn go | Khoảng năm 1995 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 6 | Dệt bắc đèn | Khoảng năm 1990 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 7 | Dệt dây yên ngựa | Khoảng năm 2009 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 8 | Quai túi dệt | Khoảng năm 2009 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 9 | Dệt thảm | Khoảng năm 2000 | Thị trường nhập khẩu nhiều, không cạnh tranh được |
| 10 | Dệt ren | Khoảng năm 1970 | Do không nhập được nguyên liệu |
| 11 | Dệt đăng ten | Khoảng năm 1970 | Do không nhập được nguyên liệu |
| 12 | Sợi dây tây | Khoảng năm 1990 | Do thị trường xuất khẩu không có nhu cầu |
| 13 | Cát dây thao | Khoảng năm 2008 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 14 | Dây đàn | Khoảng năm 1980 | Do thị trường không có nhu cầu |
| 15 | Hoa lông vịt | Khoảng năm 1990 | Do thị trường không có nhu cầu |

Bảng 3. Các nghề còn được duy trì

| TT | Nghề | Quy mô sản xuất | Nơi tiêu thụ sản phẩm |
|----|---------------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | Dệt quai thao | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 2 | Chỉ tơ | Còn 5 hộ gia đình | Các tỉnh phía Bắc |
| 3 | Chỉ thêu | Còn 5 hộ gia đình | Các tỉnh phía Bắc |
| 4 | Chỉ gốc | Còn 5 hộ gia đình | Các tỉnh phía Bắc |
| 5 | Quả chữ thọ | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 6 | Quả bu | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 7 | Quả kim tòng | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 8 | Tơ lụa | Còn 5 hộ gia đình | Cả nước và xuất khẩu |
| 9 | Làm tua | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 10 | Nhuộm | Còn 30 hộ gia đình | Cả nước và xuất khẩu |
| 11 | Chân chỉ | Còn 1 hộ gia đình | Khu phố cổ Hà Nội, Huế |
| 12 | Tóc rối | Còn 1 hộ gia đình | Hà Nội và một số tỉnh |
| 13 | Thu gom lông gà, lông vịt | Còn 3 hộ gia đình | Cả nước và Trung Quốc |
| 14 | Chôi lông gà | Còn 6 hộ gia đình | Hà Nội và một số tỉnh lân cận |

2.3. Những nghề mới xuất hiện

Kinh tế thị trường và sự mở mang đô thị đã làm xuất hiện nhiều nghề mới. Người làng Triều Khúc với sự nhanh nhạy vốn có

của một làng nghề có mấy trăm năm tuổi đã tạo ra nhiều nghề mới như dệt chun, may thêu, tẩy sợi, nhuộm sợi, buôn bán phế liệu, sản xuất nhựa... (xem Bảng 4).

Bảng 4. Các nghề mới xuất hiện (điều tra ở xóm Lê)

| TT | Nghề | Thời điểm xuất hiện | Quy mô |
|----|-----------------------------------|---------------------|------------------------|
| 1 | Tẩy sợi, nhuộm sợi, tơ... | Khoảng năm 1990 | Có 5 doanh nghiệp |
| 2 | Dệt chun | Năm 1995 | Có 20 hộ gia đình |
| 3 | Dệt vải | Năm 1995 | Có 2 hộ gia đình |
| 4 | May mặc quần áo | Năm 2005 | Có 5 hộ gia đình |
| 5 | Đánh chỉ | Khoảng năm 1990 | Có 10 hộ gia đình |
| 6 | Thu mua phế liệu và sản xuất nhựa | Khoảng năm 1990 | Có 85 hộ gia đình |
| 7 | Dịch vụ thuê nhà trọ | Năm 2005 | Khoảng 200 hộ gia đình |

Bảng 4 cho thấy, phần lớn các nghề mới xuất hiện liên quan đến dệt - may, nhu cầu không thể thiếu được của con người ở bất kỳ thời đại nào. Tuy nhiên, số hộ làm nghề chiếm tỷ lệ rất nhỏ, do trong xã hội hiện đại, yêu cầu mặc của con người rất cao cả về chất liệu, kiểu dáng, giá cả... của sản phẩm, đòi hỏi các cơ sở sản xuất phải đầu tư lớn về máy móc, trang thiết bị, công nghệ. Điều này, người Triều Khúc chưa vươn tới được.

Trong khi đó, hai nghề mới có đông người kinh doanh nhất, có ảnh hưởng đến hướng phát triển bền vững trong tương lai là thu mua phế liệu - sản xuất và dịch vụ cho thuê nhà trọ. Điều này có những nguyên nhân chủ quan và khách quan, sâu xa và trực tiếp.

Nghề thu mua phế liệu và sản xuất nhựa xuất hiện vào khoảng những năm 90, phát triển mạnh từ năm 2005 đến nay. Nguyên nhân xuất hiện là do các đồ gia dụng (ví dụ bàn ghế, chậu, xô...) trước đây được chế tạo từ nguyên liệu tre, gỗ, không có khả năng tái chế, hoặc bằng nguyên liệu gang, nhôm, có khả năng tái chế nhưng giá thành cao; lại đang bị khan hiếm dần. Thêm nữa, kỹ thuật sản xuất thủ công không cho phép tạo ra các sản phẩm hàng loạt và đồng bộ. Trong khi đó, nguồn nguyên liệu nhựa khá phong phú. Người Triều Khúc đã tận dụng được đội quân lao động các vùng nông thôn lân cận thu mua giúp. Mặt khác, kỹ thuật sản xuất nhựa đơn giản, đầu tư máy móc không lớn, thị trường tiêu thụ hàng chủ yếu ở các quận, huyện Hà Nội nên phù hợp với nhiều hộ kinh doanh sản xuất nhỏ, lẻ.

- Trong những năm gần đây, loại hình *dịch vụ cho thuê nhà trọ* thực sự phát triển

trong làng nghề Triều Khúc, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

+ Triều Khúc gần nhiều trường đại học (Đại học Khoa học tự nhiên và Đại học Khoa học xã hội - nhân văn, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Kiến trúc, Học viện Giao thông vận tải...), nhiều cơ quan, xí nghiệp, nên nhu cầu nhà trọ cho sinh viên, công nhân và lao động tự do về tạm trú để mưu sinh rất lớn. Nắm bắt được nhu cầu này, nhiều gia đình đã xây dựng nhà để cho thuê.

+ Từ năm 2000, một diện tích lớn ruộng đất của Triều Khúc được thu hồi để phục vụ các công trình, dự án đô thị, như đường vành 3 (cầu vượt ngã tư Nguyễn Trãi - Khuất Duy Tiến - Nguyễn Xiển), chạy theo địa phận làng khoảng 2km, khu làng nghề, Bệnh viện K, Bệnh viện Bông... Tổng cộng, 7 dự án đã thu hồi trên 52ha của làng, đồng nghĩa với khoảng trên 400 lao động nông nghiệp mất đất sản xuất, dẫn đến thiếu việc làm; mặt khác do hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp thấp, nên nhiều hộ gia đình chuyển đổi hướng sản xuất sang các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại. Trong bối cảnh đó, cho thuê nhà trọ như là một "cứu cánh" cho nhiều gia đình. Tuy xuất hiện muộn, song cho thuê nhà trọ lại có đông số hộ kinh doanh thứ hai hiện nay ở làng, do lợi nhuận tương đối cao.

Thuê nhà trọ thực chất là một loại hình dịch vụ, được dân làng coi là một nghề, không chỉ đem lại nguồn thu lớn mà đòi hỏi phải có những "kỹ thuật", "nghệ thuật" kinh doanh mới bảo đảm duy trì được các hoạt động và có lợi nhuận.

Kết luận

Triều Khúc nằm ven Quốc lộ 6, cửa ngõ Tây Nam của Kinh đô Thăng Long cũ, nội thành Hà Nội hiện nay; có sông Nhuệ chảy qua. Vị trí địa lý và điều kiện giao thông thuận lợi trên đây được người làng tận dụng để phát triển các nghề thủ công, làm cho làng trở thành một trong số ít làng có nhiều nghề nhất trên vùng châu thổ Bắc Bộ. Hơn 30 nghề đã tạo công ăn việc làm cho một số đông lao động trong lúc nông nhàn, tạo ra nguồn thu đa dạng, nuôi sống dân làng qua hàng nghìn năm.

Từ sau hòa bình lập lại, đặc biệt là từ đầu thập kỷ 90 trở lại đây, dưới tác động của thể chế kinh tế - xã hội và những đổi thay của điều kiện sống, phần lớn các nghề thủ công truyền thống của Triều Khúc không còn được duy trì; một số nghề còn được duy trì với mức độ hạn hẹp và xuất hiện một số nghề mới. Dù có quy mô hoạt động khác nhau, các nghề cũ cũng như nghề mới đã tạo ra nhịp sống sôi động theo cơ chế thị trường, làm cho Triều Khúc vẫn có tiếng là một làng đa nghề; đem lại cho dân làng có cuộc sống sung túc, hỗ trợ cho các hoạt động văn hóa và tăng nguồn thu ngân sách.

Thực trạng biến đổi nghề trên đây đã và đang đặt ra cho chính quyền xã Tân Triều, làng Triều Khúc nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết, như giữ gìn môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Tài liệu tham khảo

1. Guru, Pierre (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Bản dịch, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Trường Viễn Đông Bác cổ, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lâm Bá Nam (1999), *Nghề dệt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Trọng Phu (1932), *Các nghề thủ công ở Hà Đông*, Bản đánh máy, không xuất bản.
4. Đỗ Trọng Quang (2000), “Một làng nghề đang mai một”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 48-49.
5. Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hào (2000), *Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội*, Bộ Văn hóa thông tin và Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.